TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 406/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải
2. Ông Trần Văn Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4382/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12494/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1981

Địa chỉ: C Ấp M, xã T, huyện H, Tp ..

Bị đơn: Ông Hsu KKuei-C, sinh năm 1963

Hộ chiếu số: M12339888 cấp ngày 06/6/1996

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) (T)

Địa chỉ: 3 Hua H, C city, Tapei H, Taiwan province, R (33/1 V, phường T, thị xã T, huyện Đ, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc).(235).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2023 và lời khai của nguyên đơn – bà Phạm Thị Mỹ T thì: Bà và bị đơn kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 10/7/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2022, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung là Hsu C và Hsu Cian C1 cùng sinh ngày 08/11/1999, đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan, nơi bị đơn – ông Hsu K-Chang cư trú để tống đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Hsu K-Chang và yêu cầu ông Hsu K-Chang trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ T nhưng ông Hsu K-Chang không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Phạm Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hsu K-Chang đang cư trú tại Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà Phạm Thị Mỹ T có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt; Tòa án đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai và thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn - ông Hsu K-Chang, nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 và Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Mỹ T và ông Hsu K-Chang.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 10/7/1999 thì giữa bà Phạm Thị Mỹ T và ông

Hsu K-Chang là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của bà Phạm Thị Mỹ T sau khi kết hôn thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn ông Hsu K-Chang. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án để đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng không tồn tại, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về con chung: Có 02 con chung là Hsu C và Hsu Cian C1 cùng sinh ngày 08/11/1999, đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Phạm Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Phạm Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ T.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ T được ly hôn ông Hsu K-Chang.

Về con chung: Có 02 con chung là Hsu C và Hsu Cian C1 cùng sinh ngày 08/11/1999, đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000999 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – Bà Phạm Thị Mỹ T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; bị đơn – ông Hsu K-Chang được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: HSVA, VT (HA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Anh